

Số: 178/2020/QĐST- HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 13 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 646/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Vũ Thị Đức L, sinh năm 1979;

Hộ khẩu thường trú: 508, Phường S, Quận P, Thành phố H

Nơi cư trú: Chung cư Lô A số 199 đường N, Phường M, thành phố V, tỉnh B

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: 508, Phường S, Quận P, Thành phố H

Nơi cư trú: Chung cư Lô A số 199 đường N, Phường M, thành phố V, tỉnh B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 8 năm 2020, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Đức L và ông Nguyễn Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà L và ông D có 03 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 04-8-2010, Nguyễn Kim D, sinh ngày 09-02-2015 và Nguyễn Di L, sinh ngày 07-4-2017. Ông D và bà L thỏa thuận, bà L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A và cháu L, ông D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D. Ông D cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu L số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Đức L và ông Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà L và ông D có 03 con chung là Nguyễn Kiều A, sinh ngày 04-8-2010, Nguyễn Kim D, sinh ngày 09-02-2015 và Nguyễn Di L, sinh ngày 07-4-2017. Ông D và bà L thỏa thuận, bà L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A và cháu L, ông D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D. Ông D cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu L số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 tháng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Vũ Thị Đức L và ông Nguyễn Văn D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nên được khấu trừ vào số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BBB và số CCC cùng ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà L và ông D đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hồng Hà

